

## 1. Kiến thức

- Củng cố tính chất của phân số, so sánh phân số, dấu hiệu chia hết và các phép tính với số tự nhiên

## 2. Kỹ năng

- Vận dụng tính chất của PS để giải các bài toán liên quan  
- Thực hiện so sánh và sắp thứ tự các phân số  
- Làm đúng 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên

## 3. Thái độ

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

## 4. Góp phần phát huy các năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* **Lưu ý:** Gộp 3 bài Luyện tập chung thành 2 bài

\* BT cần làm: Bài 2 (ở cuối tr123), bài 3 (tr124), bài 2 (c, d) (tr125)

## II. CHUẨN BỊ:

### 1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập.  
- HS: SGK,.

### 2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành  
- Kỹ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động (5p)</b>  - GV giới thiệu bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
<b>2. Hoạt động thực hành: (18p)</b> <b>* Mục tiêu:</b> - Vận dụng tính chất của PS để giải các bài toán liên quan - Thực hiện so sánh và sắp thứ tự các phân số - Làm đúng 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên <b>* Cách tiến hành:</b> Cá nhân, nhóm, cả lớp.	
<b>Bài 2:</b> (ở cuối tr 123). - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - Nhận xét, chốt đáp án đúng.	- Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp <b>Đáp án:</b> - Tổng số HS lớp đó là: $14 + 17 = 31$ (HS) - Số HS trai bằng $\frac{14}{31}$ HS cả lớp. - Số HS gái bằng $\frac{17}{31}$ HS cả lớp.
<b>Bài 3:</b> (tr124) - GV gọi HS đọc đề bài, sau đó hỏi: + Muốn biết trong các phân số đã cho phân số nào bằng phân số $\frac{5}{9}$ ta làm như	+ Thực hiện rút gọn các PS đã cho

<p><i>thế nào?</i></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS</p> <p>- Củng cố tính chất của PS</p> <p><b>Bài 2 (c, d) (tr 125) HSNK làm cả bài</b> - Củng cố cách đặt tính và thực hiện các phép tính với số tự nhiên.</p> <p><b>Bài 1+ Bài 5(tr 124) +Bài 3 (tr 125) (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)</b></p> <p><b>3. Hoạt động ứng dụng (1p)</b> <b>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p>- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</p> $\frac{20}{36} = \frac{20:4}{36:4} = \frac{5}{9} \qquad \frac{15}{18} = \frac{15:3}{18:3} = \frac{5}{6}$ $\frac{45}{25} = \frac{45:5}{25:5} = \frac{9}{5} \qquad \frac{35}{63} = \frac{35:7}{63:7} = \frac{5}{9}$ <p>* Vậy các phân số bằng <math>\frac{5}{9}</math> là <math>\frac{20}{36}</math>; <math>\frac{35}{63}</math></p> <p>- HS chia sẻ bài làm của mình.</p> <p>- Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – lớp</p> <p>c) <math display="block">\begin{array}{r} 864752 \quad \text{d) } 18490 \\ \underline{91846} \qquad \quad 1290 \\ 772906 \qquad \quad 000 \end{array} \begin{array}{l} 215 \\ 86 \end{array}</math></p> <p>- HS tự làm vào vở Tự học và chia sẻ lớp</p> <p>- Hoàn thiện các bài tập</p> <p>* <b>BTPTNL:</b> Cho số <math>275a</math>. Hãy tìm a sao cho:</p> <p>a. <math>\overline{275a}</math> chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5.</p> <p>b. Chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9.</p> <p>c. Chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9.</p>
--	---

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.....

.....

.....

.....

**LỊCH SỬ (VNEN)**

**TRƯỜNG HỌC, VĂN THƠ, KHOA HỌC THỜI HẬU LÊ (T1)**

.....

.....

---

---

## LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)

### VĂN HỌC VÀ KHOA HỌC THỜI HẬU LÊ

#### I. MỤC TIÊU

##### **1. Kiến thức**

- Biết được sự phát triển của văn học và khoa học thời Hậu Lê (một vài tác giả tiêu biểu thời Hậu Lê): Tác giả tiêu biểu: Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên.

\* HS M3+M4: Biết được tác phẩm tiêu biểu: Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Du địa chí, Lam Sơn thực lục.

##### **2. Kỹ năng**

- Lập được bảng thống kê các tác giả, tác phẩm, công trình khoa học tiêu biểu

##### **3. Thái độ**

- Có ý thức giữ gìn các tác phẩm văn học và khoa học có giá trị thời Hậu Lê.

##### **4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng**

- GV: + Hình trong SGK phóng to.

+ Một vài đoạn thơ văn tiêu biểu của một số tác phẩm tiêu biểu.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, bút

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động: (4p)</b>  + <i>Em hãy kể tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê?</i> + <i>Nhà Lê đã làm gì để khuyến khích học tập?</i> - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét: + <i>Nhà Hậu Lê cho dựng nhà Thái học, dựng lại Quốc Tử Giám...</i> + <i>Tổ chức lễ đọc tên người đỗ, lễ đón rước người đỗ về làng...</i>
<b>2. Bài mới: (30p)</b> <b>* Mục tiêu:</b> - HS biết được sự phát triển của văn học và khoa học thời Hậu Lê - Lập được bảng thống kê các tác giả, tác phẩm, công trình khoa học tiêu biểu. <b>* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp</b>	
<b>a. Giới thiệu bài:</b> Thời Hậu Lê nhờ chú ý đến phát triển giáo dục nên văn học và khoa học cũng được phát	- HS lắng nghe.

triển, đã để lại cho dân tộc ta những tác phẩm, tác giả nổi tiếng. Nguyễn Trãi là tác giả tiêu biểu cho văn học và khoa học thời Hậu Lê. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về *Văn học và khoa học thời Hậu Lê*. GV ghi tên bài.

**b. Tìm hiểu bài:**

**HĐ1: 1. Những tác giả, tác phẩm tiêu biểu thời Hậu Lê**

- GV phát phiếu học tập cho HS.
- GV hướng dẫn HS lập bảng thống kê về nội dung, tác gia, tác phẩm văn thơ tiêu biểu ở thời Hậu Lê (GV cung cấp cho HS một số dữ liệu, HS điền tiếp để hoàn thành bảng thống kê).
- GV nhận xét và KL:

Tác giả	Tác phẩm	Nội dung
1. Nguyễn Trãi	- Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập	- Phản ánh khí phách anh hùng và niềm tự hào chân chính của dân tộc.
2. Nguyễn Mộng Tuân	- Các bài thơ	
3. Lê Thánh Tông	- Hồng Đức quốc âm thi tập	

- GV giới thiệu một số đoạn thơ văn tiêu biểu của một số tác giả thời Hậu Lê (Bình Ngô đại cáo)
- GV giới thiệu về chữ Hán và chữ Nôm.

**HĐ2: Nội dung, tác giả, công trình khoa học tiêu biểu thời Hậu Lê:**

- GV phát PHT có kẻ bảng thống kê cho HS.
- GV giúp HS lập bảng thống kê về nội dung, tác giả, công trình khoa học tiêu biểu ở thời Hậu Lê ...
- Nhận xét và KL:

Tác giả	Công trình khoa học	Nội dung
1. Ngô Sĩ Liên	- Đại Việt sử kí toàn thư	- Lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến đầu thời Lê.
2. Nguyễn Trãi	- Lam Sơn thực lục	- Lịch sử cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

**Nhóm 2 – Lớp:**

- HS thảo luận và điền vào bảng.
- Dựa vào bảng thống kê, HS mô tả lại nội dung và các tác giả, tác phẩm thơ văn tiêu biểu dưới thời Hậu Lê.
- HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe 1 trích đoạn trong Bình Ngô đại cáo
- Quan sát

**Nhóm 2 – Lớp**

- HS điền vào bảng thống kê.
- Dựa vào bảng thống kê HS mô tả lại sự phát triển của khoa học thời Hậu Lê.

<p>3. Nguyễn Trãi</p> <p>4. Lương Thế Vinh</p>	<p>- Du địa chí</p> <p>- Đại thành toán pháp</p>	<p>- Xác định lãnh thổ, giới thiệu tài nguyên, phong tục tập quán của nước ta</p> <p>- Kiến thức toán học.</p>	<p>+ Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông.</p> <p>- HS đọc bài học.</p> <p>- Tìm đọc tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi</p>
--	--	--	--

- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.
- GV đặt câu hỏi: *Dưới thời Hậu Lê, ai là nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học tiêu biểu nhất?*
- **GV: Dưới thời Hậu Lê, Văn học và khoa học nước ta phát triển rực rỡ hơn hẳn các thời kì trước.**
- 3. Hoạt động ứng dụng (1p).**
- Giáo dục HS biết trân trọng, giữ gìn các tác phẩm có giá trị của cha ông để lại
- 4. Hoạt động sáng tạo (1p)**

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.....

.....

.....

**Thứ tư ngày 5 tháng 2 năm 2019**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**  
**ĐẤU GẠCH NGANG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang (ND Ghi nhớ).

**2. Kỹ năng**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong bài văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và đánh dấu phần chú thích (BT2).

\* HS M3+M4 viết được đoạn văn ít nhất 5 câu, đúng yêu cầu của BT2 (mục III).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 2 tờ giấy để viết lời giải BT.  
+ Bút dạ và 4 tờ giấy trắng khổ rộng để HS làm BT 2.
- HS: VBT, bút

## 2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành
- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động (5p)</b></p> <p>- GV giới thiệu và dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ</p>
<p><b>2. Hình thành KT (15 p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang (ND Ghi nhớ).</p> <p>* <b>Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</b></p> <p><b>a. Nhận xét</b></p> <p><b>Bài tập 1, 2:</b></p> <p>- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng:</p> <p>- Chốt lại các tác dụng của dấu gạch ngang</p> <p><b>b. Ghi nhớ:</b></p> <p>- Cho HS đọc lại phần ghi nhớ.</p>	<p><b>Cá nhân – Chia sẻ lớp</b></p> <p><u>Đáp án:</u></p> <p><b>Đoạn a:</b></p> <p>+ Dấu gạch ngang đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật (ông khách và cậu bé) trong đối thoại.</p> <p><b>Đoạn b:</b></p> <p>+ Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích trong câu văn.</p> <p><b>Đoạn c:</b></p> <p>+ Dấu gạch ngang liệt kê các biện pháp cần thiết để bảo quản quạt điện được bền.</p> <p>- HS đọc bài học.</p>
<p><b>3. HĐ luyện tập (18 p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> Nhận biết và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong bài văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và đánh dấu phần chú thích (BT2).</p> <p>* <b>Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp</b></p> <p>* <b>Bài tập 1:</b></p> <p>- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV giao việc: tìm câu có dấu gạch ngang trong chuyện <i>Quà tặng cha</i> và nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong mỗi câu.</p> <p>- GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng. GV dán tờ phiếu đã biết lời giải lên bảng lớp.</p>	<p><b>Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp</b></p> <p><u>Đáp án:</u></p> <p>1. * Đánh dấu phần chú thích trong câu (Bố Pa- xcan là một viên chức)</p> <p>2. * Đánh dấu phần chú thích trong câu (đây là ý nghĩ của Pa – xcan)</p> <p>3. * Đánh dấu chỗ bắt đầu câu nói của Pa- xcan và đánh dấu phần chú thích (nay là lời Pa- xcan nói với bố)</p>

<p>+ <i>Dấu gạch ngang có tác dụng gì?</i></p> <p><b>*Bài tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.</li> <li>- Gọi vài HS đọc bài làm của mình.</li> <li>- GV nhận xét và đánh giá những bài làm tốt.</li> </ul> <p><b>4. HĐ ứng dụng (1p)</b></p> <p><b>5. HĐ sáng tạo (1p)</b></p>	<p>+ HS nêu lại tác dụng</p> <p style="text-align: center;"><b>Cá nhân – Chia sẻ lớp</b></p> <p>VD: <i>Tuần này tôi học hành chăm chỉ, luôn được cô giáo khen. Cuối tuần, như thường lệ, bố hỏi tôi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Con gái của bố học hành như thế nào? Tôi đã chờ đợi câu hỏi này của bố nên vui vẻ trả lời ngay:</i></li> <li>- <i>Con thường xuyên được cô giáo khen bố ạ.</i></li> <li>- <i>Thế ư! – Bố tôi vừa mừng rỡ thốt lên.</i></li> <li>- Ghi nhớ tác dụng của dấu gạch ngang</li> <li>- Lấy VD dấu gạch ngang dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu.</li> </ul>
--	---

## ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

## TOÁN

### *Tiết 113: PHÉP CỘNG PHÂN SỐ*

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức**

- Biết cộng hai phân số cùng mẫu số.

##### **2. Kỹ năng**

- Thực hiện cộng được 2 PS cùng MS

##### **3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

##### **4. Góp phần phát triển các kỹ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng**

- GV: 1 băng giấy kích thước 20cm x 80cm.

- HS: 1 băng giấy hình chữ nhật kích thước 2cm x 8cm. Bút màu.

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
-------------------------	-------------------------

<p><b>1. HĐ khởi động (3p)</b></p> <p>GV dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ</p>
<p><b>2. Hình thành KT (15p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> Biết cách cộng 2 PS cùng MS</p> <p>* <b>Cách tiến hành</b></p>	
<p>- Nêu đề toán: ...</p> <p>- Để biết bạn Nam đã tô màu tất cả bao nhiêu phần băng giấy chúng ta cùng hoạt động với băng giấy.</p> <p>+ Gấp đôi băng giấy 3 lần để chia băng giấy làm 8 phần bằng nhau.</p> <p>+ <i>Lần thứ nhất bạn Nam tô màu mấy phần băng giấy?</i></p> <p>+ Yêu cầu HS tô màu <math>\frac{3}{8}</math> băng giấy.</p> <p>+ <i>Lần thứ hai bạn Nam tô màu mấy phần băng giấy?</i></p> <p>+ <i>Như vậy bạn Nam đã tô màu mấy phần băng bằng nhau?</i></p> <p>+ Hãy đọc phân số chỉ phần băng giấy mà bạn Nam đã tô màu.</p> <p>- Kết luận: Cả hai lần bạn Nam tô màu được tất cả là <math>\frac{5}{8}</math> băng giấy.</p> <p>+ <i>Muốn biết bạn Nam tô màu tất cả mấy phần băng giấy chúng ta làm phép tính gì?</i></p> <p>- Yêu cầu HS nhận xét về mối liên hệ giữa TS của 2 PS, MS của 2 PS so với kết quả</p> <p>* <i>Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số ta làm như thế nào?</i></p>	<p>- HS đọc đề bài</p> <p>+ HS thực hành.</p> <p>+ <i>Lần thứ nhất bạn Nam đã tô màu <math>\frac{3}{8}</math> băng giấy.</i></p> <p>+ HS tô màu theo yêu cầu.</p> <p>+ <i>Lần thứ hai bạn Nam tô màu <math>\frac{2}{8}</math> băng giấy.</i></p> <p>+ <i>Bạn Nam đã tô màu 5 phần bằng nhau.</i></p> <p>+ Bạn Nam đã tô màu <math>\frac{5}{8}</math> băng giấy.</p> <p>+ <i>Làm phép tính cộng <math>\frac{3}{8} + \frac{2}{8} = \frac{5}{8}</math></i></p> <p>- HS nêu: TS: <math>3 + 2 = 5</math>. MS giữ nguyên</p> <p>* <i>Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số ta cộng hai tử số và giữ nguyên mẫu số.</i></p> <p>- HS lấy VD về cộng 2 PS cùng MS</p>
<p><b>3. HĐ thực hành (18p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> HS thực hiện cộng được 2 phân số cùng MS</p> <p>* <b>Cách tiến hành:</b> Cá nhân – Nhóm – Lớp</p>	
<p><b>Bài 1: Tính.</b></p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS</p>	<p>- Làm cá nhân – Lớp</p> <p><b>Đáp án:</b></p> <p>a. <math>\frac{2}{5} + \frac{3}{5} = \frac{3+2}{5} = \frac{5}{5} = 1</math></p> <p>b. <math>\frac{3}{4} + \frac{5}{4} = \frac{3+5}{4} = \frac{8}{4} = 2</math></p>



<p>- Lưu ý HS rút gọn kết quả cuối cùng thành PS tối giản</p> <p><b>*KL:</b> Củng cố cách cộng các phân số cùng mẫu số.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc và tóm tắt bài toán.</p> <p>+ Muốn biết cả hai ô tô chuyển được bao nhiêu phần số gạo trong kho chúng ta làm như thế nào?</p> <p>- Lưu ý HS cách viết danh số</p> <p><b>Bài 2 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)</b></p> <p><b>4. Hoạt động ứng dụng (1p)</b></p> <p><b>5. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p>c. <math>\frac{3}{8} + \frac{7}{8} = \frac{3+7}{8} = \frac{10}{8} = \frac{5}{4}</math></p> <p>d. <math>\frac{35}{25} + \frac{7}{25} = \frac{35+7}{25} = \frac{42}{25}</math></p> <p>- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>+ Chúng ta thực hiện cộng hai phân số : <math>\frac{2}{7} + \frac{3}{7}</math>.</p> <p><b>Bài giải</b></p> <p>Cả hai ô tô chuyển được là:</p> $\frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{5}{7} \text{ (số gạo trong kho)}$ <p>Đáp số: <math>\frac{5}{7}</math> số gạo trong kho</p> <p>- HS thực hành tính, so sánh và rút ra tính chất giao hoán của phép cộng PS</p> <p><b>Đáp án</b></p> $\frac{3}{7} + \frac{2}{7} = \frac{5}{7} \qquad \frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{5}{7}$ $\frac{3}{7} + \frac{2}{7} = \frac{2}{7} + \frac{3}{7}$ <p>- Ghi nhớ cách cộng 2 PS cùng MS</p> <p>- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải</p>
--	---

## ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

### ĐẠO ĐỨC

#### GIỮ GÌN CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Tiết 1)

##### LMỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức**

- Biết được vì sao phải bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng.

##### **2. Kỹ năng**

- Nêu được một số việc cần làm để bảo vệ các công trình công cộng.

##### **3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương.

#### 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

\* **KNS:** - *Xác định giá trị văn hóa tinh thần của những nơi công cộng*

- *Thu thập và xử lý thông tin về các hoạt động giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương*

\* **BVMT:** *Các em biết và thực hiện giữ gìn các công trình công cộng có liên quan trực tiếp đến MT và chất lượng cuộc sống*

\* **GDQP-AN:** *Giải thích cho học sinh hiểu được lợi ích của việc bảo vệ tài sản chung*

## II. CHUẨN BỊ:

### 1. Đồ dùng

- GV: + Phiếu điều tra (theo bài tập 4)

+ Mỗi HS có 3 phiếu màu: xanh, đỏ, trắng.

- HS: SGK, SBT

### 2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động: (2p)</b>  + <i>Vì sao phải lịch sự với mọi người?</i>  + <i>Nêu một vài biểu hiện của phép lịch sự với mọi người.</i>  - Nhận xét, chuyển sang bài mới	-TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + Vì lịch sự thể hiện sự tôn trọng người khác. Lịch sự với mọi người sẽ luôn được yêu quý + Chào hỏi người lớn tuổi, nói năng lịch sự với người trên.
<b>2. Bài mới (30p)</b> <b>* Mục tiêu:</b> Biết được vì sao phải bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng. Nêu được một số việc cần làm để bảo vệ các công trình công cộng. <b>* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp</b>	
<b>Hoạt động 1: Xử lý tình huống</b> - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận cho các nhóm HS. + <i>Nếu là Thắng, em sẽ làm gì? Vì sao?</i>  <b>- GV kết luận:</b> <i>Nhà văn hóa xã là một công trình công cộng, là nơi sinh hoạt văn hóa chung của nhân dân, được xây dựng bởi nhiều công sức, tiền của. Vì vậy, Thắng cần phải khuyên Tuấn nên giữ gìn, không được vẽ bậy lên đó.</i>	<b>Nhóm 2 – Lớp</b>  - Các nhóm HS thảo luận. Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác chia sẻ, bổ sung. - HS lắng nghe.